

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-PT

Ngày: 07/11/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thu Hằng

Bà Lê Thị Th Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 28/6/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXX-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2019/QĐH-PT ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Nơi cư trú: 27 T, Phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Bích V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. Bà Đặng Thị H; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 13/10/2010, bà S lập Hợp đồng trả góp mua xe máy cho bị đơn Trương Thị Bích V một chiếc xe máy hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373, còn nợ lại 4.960.000đ, thỏa thuận mỗi tháng là 413.500đ,

trả góp 12 tháng, bà H ký bảo lãnh. Sau khi mua xe bà V chưa thanh toán số tiền nợ. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn Trương Thị Bích V phải thanh toán số tiền 4.960.000đ và tiền lãi 13,5%/năm, tính từ ngày 13/10/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị Bích V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Ông là nhân viên của DNTN T từ năm 2007 đến năm 2012. Ông làm việc lắp ráp xe, đứng tên trên các giấy đăng ký xe bán cho khách hàng mua xe trả góp, nhưng xe này là sở hữu của DNTN T, khi khách hàng trả hết tiền thì ông liên hệ phòng cảnh sát giao thông thành phố T hoặc huyện Đ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho khách, toàn bộ giấy tờ liên quan bà S là người giữ, ông không có tài liệu gì cung cấp cho Tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố T áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 305; Điều 428; Điều 431; Điều 432, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S. Buộc bị đơn Trương Thị Bích V phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S số tiền 10.500.940đ; Trong đó tiền gốc 4.960.000đ, tiền lãi 5.540.940đ.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu bị đơn Trương Thị Bích V trả số tiền trên nhưng bà V không có khả năng thanh toán cho bà S thì bà Hồ Thị Thanh S có quyền yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị H có trách nhiệm trả thay bị đơn Trương Thị Bích V số nợ trên mà mình đã bảo lãnh.

Sau khi bị đơn Trương Thị Bích V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho bà Hồ Thị Thanh S thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn Th phải làm thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373 cho Trương Thị Bích V theo quy định.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 24/01/2019), nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng nguyên đơn không có trách nhiệm trong việc sang tên chủ sở hữu cho bị đơn đối với chiếc xe mô tô nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Trương Thị Bích V trình bày: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và yêu cầu sau khi trả xong khoản nợ nêu trên cho bà Hồ Thị Thanh S thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn Th phải làm thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373 cho bà V theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bích V phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 4.960.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 13,5%/ năm, tính từ ngày 13/10/2010 đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 13/10/2010 bị đơn và nguyên đơn có ký kết hợp đồng mua bán xe để mua chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373, với giá không rõ nhưng còn nợ lại là 4.960.000đ và thỏa thuận trả góp 413.500đ/tháng, với lãi suất 2,5%. Quá trình giải quyết bị đơn bà Trương Thị Bích V đã được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc 4.960.000đ là có cơ sở.

Đối với nghĩa vụ bảo lãnh của bà Đặng Thị H tại hợp đồng mua bán xe lập ngày 13/10/2010 Trương Thị Bích V là người ký kết mua bán với bà S và người bảo lãnh trong hợp đồng là bà H ký xác nhận bảo lãnh, do đó bà H chịu trách nhiệm trả nợ thay bà V trong trường hợp bà V không đủ điều kiện trả nợ cho bà S; sau khi thực hiện xong nghĩa vụ của người bảo lãnh bà H có quyền yêu cầu bà V hoàn trả lại số tiền mà bà H đã thay bà V trả nợ.

Đối với yêu cầu tính lãi theo pháp luật của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại hợp đồng mua bán xe lập ngày 13/10/2010 và tại các đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả số tiền lãi từ 14/10/2010 cho đến ngày xét xử vụ án sơ thẩm 23/01/2019 là 5.542.800đ là có cơ sở nên chấp nhận.

Tổng cộng bà Trương Thị Bích V phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền 10.502.800đ, trong đó nợ gốc 4.960.000đ, tiền lãi 5.542.800đ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không chấp nhận có trách nhiệm trong việc sang tên chủ sở hữu xe máy cho bị đơn:

Căn cứ vào Giấy cam kết nhận nợ ngày 13/10/2010 và Giấy cam kết nợ ngày 13/10/2010 của bà Trương Thị Bích V; Hợp đồng mua trả góp xe máy lập ngày 13/10/2010 giữa bà Hồ Thị Thanh S và bà Trương Thị Bích V về việc mua chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn Th phải làm thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373 cho Trương Thị Bích V sau khi bà Trương Thị Bích V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

Về án phí: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 305; Điều 428; Điều 431; Điều 432, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S. Buộc bị đơn Trương Thị Bích V phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S số tiền 10.500.940đ (*Mười triệu năm trăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng*); Trong đó tiền gốc 4.960.000đ, tiền lãi 5.540.940đ.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu bị đơn Trương Thị Bích V trả số tiền trên nhưng bà V không có khả năng thanh toán cho bà S thì bà Hồ Thị Thanh S có quyền yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị H có trách nhiệm trả thay bị đơn Trương Thị Bích V số nợ trên mà mình đã bảo lãnh.

Sau khi bị đơn Trương Thị Bích V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho bà Hồ Thị Thanh S thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn Th phải làm thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Kewa Suki, số khung 004373, số máy 0007373 cho Trương Thị Bích V theo quy định.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 24/01/2019), nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu

tạm ứng án phí số 0012356 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 161.650đ (*Một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 10376 ngày 07/3/2013 và số tiền 165.000đ (*Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 10421 ngày 14/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Buộc bị đơn bà Trương Thị Bích V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 525.140đ (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND tp. T (2);
- CCTHADS tp. T;
- P.KTNV-THA;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng